

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 3 - 2020.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh.

2. Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 337/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà T - sinh năm: 1977 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã Y, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông N - sinh năm: 1971 (có mặt).

Địa chỉ (ĐKHKTT): ấp A, xã Y, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ (Chỗ ở hiện nay): khóm F, Phường M, TP S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là bà T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà T và ông N tự tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, tổ chức đám cưới vào năm 1995, đăng ký kết hôn vào ngày 07/5/1996 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn (*khoảng vài ba năm đầu*) thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, quan điểm sống, ông N thường xuyên ăn nhậu, kiếm chuyện gây gổ, đánh đập vợ con làm cho con bị trầm cảm, ảnh

hưởng đến việc học hành của con cái. Khoảng 06 năm nay, ông N không còn quan tâm cho gia đình, không phụ tiếp tiền bạc lo cho con. Từ tháng 6/2019 đến nay, bà T và ông N đã sống ly thân, không còn tình cảm. Nay bà T nhận thấy về tình cảm vợ chồng không thể níu kéo, mâu thuẫn không thể hàn gắn. Tại phiên tòa, bà T xác định không còn tình cảm với ông N, bà T yêu cầu ly hôn ông N.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, có 02 con chung tên G - sinh năm: 1997 và K - sinh năm: 2000. Hiện các con đã thành niên nên bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Bà T và ông N tự thỏa thuận. Bà T xác định là không có tranh chấp về chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn là ông N trình bày:

- Về hôn nhân: Ông N thống nhất theo lời trình bày của bà T về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng thường xuyên cự cãi do bất đồng một số ý kiến, về quan điểm sống... nhưng không lớn. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào khoảng năm 2019, sau khi bà T đi lên Sài Gòn nhiều lần, về nhà thay đổi tính tình, chưởi mắng ông N với những lời lẽ thiếu tế nhị, xúc phạm ông N. Ông N nóng giận nên cũng có đe dọa đòi đánh bà T.

Đối với việc bà T cho rằng ông N không quan tâm, phụ tiếp bà lo con là không đúng. Bản thân ông N vẫn lo làm ăn, mua cây kiểng về nhà chăm sóc, bán kiếm lời để lo cho gia đình, ông N không có để dành khoản tiền nào cho cá nhân mình; ông N cũng chưa bao giờ đòi hỏi bà T phải mua sắm gì cho ông N.

Bản thân ông N thừa nhận trước đây sau khi cưới khoảng vài năm, vợ chồng cự cãi, ông N có đánh bà T, thời gian sau này cũng có đánh vài lần, từ đó về sau không đánh nữa.

Đối với việc bà T cho rằng ông N đánh con, dẫn đến con bị trầm cảm là không có. Cứ mỗi lần vợ chồng cự cãi, dù chuyện nhỏ, chuyện lớn bà T đều điện thoại cho con kêu về giải quyết, làm cho con phải suy nghĩ, ảnh hưởng đến việc học hành. Tháng 6/2019, vợ chồng tiếp tục cự cãi, bà Thúy đuổi ông N, ông N tự ái nên đập cửa phòng và bỏ đi đến nay.

Nay ông N xác định vẫn còn thương bà T, ông N muốn vợ chồng hòa giải, hàn gắn tiếp tục chung sống nên không đồng ý ly hôn bà T.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, có 02 con chung tên G - sinh năm: 1997 và K - sinh năm: 2000, hiện các con đã thành niên. Trường hợp ly hôn, ông N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Trường hợp ly hôn; ông N và bà T tự thỏa thuận. Ông N xác định là không có tranh chấp về chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông N xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung đều đã thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự đều xác định là không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông N là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Bà T và ông N chung sống vợ chồng từ năm 1995, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 07/5/1996 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do giữa vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm, lo lắng cho nhau; cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông N thường xuyên xảy ra bất đồng ý kiến, quan điểm sống, ông N thường ăn nhậu, kiếm chuyện gây gổ, đánh đập vợ con làm cho con bị trầm cảm, ảnh hưởng đến việc học hành của các con. Từ tháng 6/2019 đến nay, bà T và ông N đã sống ly thân, không còn chung sống với nhau.

Tại phiên tòa, bà T xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với ông N không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt

được, bà T không thể tiếp tục chung sống với ông N. Bà T yêu cầu được ly hôn ông N.

Về phía ông N, mặc dù không đồng ý ly hôn bà T, ông N vẫn còn tình cảm với bà T. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng thường xuyên gây gỗ, cự cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không có hạnh phúc. Tại phiên tòa, ông N cũng thừa nhận và xác định là ít quan tâm đến bà T, thường hay ăn nhậu, cuộc sống vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cự cãi nhau, trong lúc nóng giận ông N có đánh bà T vài lần. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Giữa bà T và ông N cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu bà T và ông N đoàn tụ tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay, bà T xác định là không còn tình cảm với ông N, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với ông N không có hạnh phúc, bà T không còn quan tâm, thương yêu, lo lắng cho ông N, bà T cương quyết xin được ly hôn ông N; trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì bà T cũng không sống chung với ông N. Về phía ông N cũng thừa nhận và xác định là tuy còn thương vợ nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều xung đột, bất đồng về quan điểm sống làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng bị tổn thương, rạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và kéo dài. Tại phiên tòa, ông N xác định cuộc sống hôn nhân giữa ông N và bà T cũng ít khi có hạnh phúc. Do đó, xét thấy việc bà T yêu cầu xin được ly hôn ông N là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Do các bên đương sự, bà T và ông N cùng xác định là tự thỏa thuận, bà T và ông N không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T và ông N cùng xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, Gy 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Cho bà T ly hôn ông N.

2. Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà T nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, bà T đã nộp ngày 03/12/2019 theo biên lai thu số: 0004334 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND xã Tân Mỹ, huyện Lấp Vò, DT;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Trần Quốc Danh